TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 02 - 2023
V/v không công nhận là vợ chồng và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lành Văn Huế

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Văn Trường

Ông Nguyễn Văn Việt

- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nông Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Dương Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022 về việc "Không công nhận là vợ chồng và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 06/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị P, sinh năm 1980.

HKTT*:* Thôn N, xã T, huyện , tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở: Thôn N2, xã T, huyện , tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như lời khai tại phiên toà nguyên đơn chị Dương Thị P trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1998, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước khi về chung sống với nhau anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện

đến với nhau không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Từ khi về chung sống với nhau vợ chồng có hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2017, chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình và anh Vũ Văn T có nghi ngờ chị Dương Thị P có quan hệ tình cảm ngoài luồng nên không tin tưởng nhau, anh chị sảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị Dương Thị P đã nhờ hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Chị P và anh Vũ Văn T cũng sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị Dương Thị P yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Có 02 người con chung là cháu Vũ Thị Thu H, sinh ngày 12/8/1999 đã trưởng thành và cháu Vũ Phương N, sinh ngày 19/5/2009. Khi ly hôn, chị Dương Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Vũ Phương N, nếu cháu Vũ Phương N ở với anh Vũ Văn T thì chị Dương Thị P sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng; trường hợp cháu N ở với chị Dương Thị P thì thị Dương Thị P có trách nhiệm nuôi cháu Vũ Phương N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai cũng như lời khai tại phiên toà của bị đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Dương Thị P tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trước khi về chung sống với nhau, anh chị có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc. Sau khi tổ chức lễ cưới, anh chị về chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2010, anh Vũ Văn T và chị Dương Thị P phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng không được, mâu thuẫn vẫn thường xuyên diễn ra. Anh Vũ Văn T và chị Dương Thị P đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Do không còn tình cảm nên anh Vũ Văn T đồng ý theo yêu cầu của chị Dương Thị P và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với chị Dương Thị P.

Về con chung: Có 02 người con chung là Vũ Thị Thu H, sinh ngày 12/8/1999 đã trưởng thành và Vũ Phương N, sinh ngày 19/5/2009 hiện đang ở với anh Vũ Văn T. Khi ly hôn, anh Vũ Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Phương N đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị Dương Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Vũ Thị Thu H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung gồm: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã T hành hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung. Tại phiên hòa giải chị Dương Thị P anh Vũ

Văn T đã thỏa thuận được với nhau và tại phiên tòa chị Dương Thị P, anh T vẫn giữ nguyên các nội dung đã thỏa thuận cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Vũ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Phương N, sinh ngày 19/5/2009, chị Dương Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Dương Thị P có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Vũ Phương N khai là có nguyện vọng ở với bố là anh Vũ Văn T.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T cùng xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Tại hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng và đúng theo quy định và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng về phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân đề nghị: Không công nhận là vợ chồng đối với chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T.

Về con chung đề nghị: Công nhận sự thỏa thuận của chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T theo biên bản hòa giải ngày 12/12/2022. Vì tại phiên tòa chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã thỏa thuận theo biên bản hòa giải ngày 12/12/2022.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét vì các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

Về thiếu sót, kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Dương Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh Vũ Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp

huyện. Tòa án đã T hành thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, T hành mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung. Các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T tổ chức hôn lễ vào năm 1998 và về ở với nhau như vợ chồng. Tuy nhiên, anh chị không đi đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Mặc dù chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T không có đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với nhau như vợ chồng trong nhiều năm. Quá trình chung sống đến năm 2017 hai anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng và cũng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì nhau, tại phiên tòa chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T cũng xác định không còn tình cảm để tiếp tục chung sống. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đi đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Quyền và nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình". Do chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định và đã sinh được hai người con chung. Do vậy, yêu cầu của chị Dương Thị P là có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử cần không công nhận là vợ chồng đối với chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tại phiên hòa giải chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T đã thỏa thuận được với nhau cụ thể là: Về con chung anh Vũ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Phương N, sinh ngày 19/5/2009, chị Dương Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Dương Thị P có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định; về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thỏa thuận của chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và tại phiên tòa anh chị vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị theo biên bản phiên hòa giải ngày 12/12/2022.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, 15, 53, 54, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Dương Thị P và anh Vũ Văn T là anh Vũ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Phương N, sinh ngày 19/5/2009, chị Dương Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Dương Thị P có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị P phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xác nhận chị Dương Thị P đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án ph, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số: AA/2015/0002828 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/02/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lành Văn Huế

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quốc Tuấn;

Lê Thị Hồng Vân

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lành Văn Huế

Lành Văn Huế